

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03-04-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiếu

2. Bà Lê Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa: Ông Hàn Văn Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vi Thị Ph** - Sinh năm 1993

2. *Bị đơn:* Anh **Vi Văn H** - Sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: thôn Q Tr, xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị Vi Thị Ph có mặt, anh Vi Văn H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án chị Vi Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn H tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 08/06/2011 tại UBND xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2020 đến nay tình trạng hôn nhân của anh chị càng ngày càng trầm trọng hơn. Chị Ph và anh H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, không ai chăm sóc gia đình chung. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh H sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vi Văn H.

Về con chung: Chị Ph và anh H có 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là Vi Thị Lan Ph1 (giới tính nữ), sinh ngày 07/04/2012, cháu thứ hai tên là Vi Thị Phương L (giới tính nữ), sinh ngày 13/08/2019. Các cháu đều khỏe mạnh bình thường về thể lực và trí lực. Ly hôn, chị Ph có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao các cháu Vi Thị Phương L và Vi Thị Lan Ph1 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ph không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía anh Vi Văn H: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Anh H đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh không trình bày quan điểm, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và cũng vắng mặt tại phiên xét xử không có lý do nên tòa án phải hoãn phiên Tòa lần thứ nhất. Đến phiên xét xử lần này anh H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và lời khai của người được xác minh Ông Nguyễn Văn H1 (Trưởng thôn Q Tr, xã B L) trình bày:

Vợ chồng chị Ph, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Q Tr, xã B L, huyện Như Xuân. Một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau đó anh H và chị Ph sống ly thân. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh H có uống rượu nên vợ chồng mâu thuẫn với nhau.

Quá trình chung sống, chị Ph và anh H có 02 con chung là cháu Vi Thị Lan Ph1 (giới tính nữ), sinh ngày 07/04/2012 và cháu Vi Thị Phương L (giới tính nữ), sinh ngày 13/08/2019. Các cháu đều phát triển bình thường về thể lực và trí lực và hiện đang sống cùng anh chị tại thôn Q Tr, xã B L, huyện Như Xuân. Cả anh H và chị Ph đều là những người có sức khỏe, có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục các cháu, trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng các con anh H và chị Ph đều đối xử tốt, không ai đánh đập hay bạo hành gì các cháu.

Theo lời khai của bà Lê Thị Q (mẹ đẻ của anh Vi Văn H) trình bày:

Anh H, chị Ph là con trai và con dâu của Bà Q. Anh chị có hộ khẩu thường trú tại thôn Q Tr, xã B L, huyện Như Xuân. Chị Ph và anh H được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Q Tr, xã B L, huyện Như Xuân. Đến khoảng cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau đó chị Ph và anh H đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm chăm sóc gia đình chung. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Cơ sở nơi chị Ph đang làm việc xác nhận: Chị Ph có công việc và thu nhập ổn định. Với mức lương bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Bố mẹ đẻ của chị Vi Thị Ph là ông Vi Văn Ph2 và bà Lang Thị M trình bày: Ông bà có con gái là Vi Thị Ph kết hôn với anh Vi Văn H và đã chuyển khẩu về sinh sống tại thôn Q Tr, xã B L. NH anh chị chỉ chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng cuối năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn xúc phạm lẫn nhau. Nay chị Ph và anh H đã ly thân với nhau. Mặc dù đã được gia đình động viên phân tích nhưng anh chị vẫn không quay về đoàn tụ mà hiện tại đã gửi đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết việc ly hôn. Hiện nay ông Ph2 và bà M đang sinh sống và cư trú ổn định tại thôn Kẻ Mạnh, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, gia đình có diện tích đất ở là 400m² và 906,6m² đất trồng cây hàng năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV759901 do UBND huyện Như Xuân cấp ngày 08/06/2020 (Có bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo) và nếu Tòa án giải quyết cho chị Ph và anh H ly hôn thì ông Ph2 và Bà M thống nhất cam kết cho mẹ con chị Ph được cư trú và sinh sống ổn định lâu dài trên đất và nhà của ông bà.

Nguyện vọng của cháu Vi Thị Lan Ph1: Khi chị Ph và anh H ly hôn cháu Lan Ph1 có nguyện vọng được ở với bố đẻ là anh Vi Văn H.

Tại phiên tòa chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, không yêu cầu giải quyết về phân tài sản và công nợ. Về con chung: Chị Ph có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu Vi Thị Lan Ph1 và Vi Thị Phương L cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh H mặc dù đã được tổng đạt trực tiếp các tài liệu, văn bản, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên xét xử lần thứ hai không có lý do và cũng không trình bày quan điểm của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn cơ bản thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn là anh Vi Văn H Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Nhưng anh H không có mặt, không trình bày quan điểm; Tại phiên tòa, anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ nhất ngày 06/3/2023 Là vi phạm điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Ph và anh H cưới hỏi và đăng ký kết hôn theo đúng nghi thức và được UBND xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh chị thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký và tuân thủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của chị Ph và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do tính

tình và quan điểm sống không hợp nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân với nhau không ai quan tâm chăm sóc gia đình chung, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị Ph và anh H không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Ph và anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị Vi Thị Ph và anh Vi Văn H có 02 con chung, tên là Vi Thị Lan Ph1 (giới tính nữ), sinh ngày 07/04/2012 và cháu Vi Thị Phương L (giới tính nữ), sinh ngày 13/08/2019. Hiện tại các cháu đều khỏe mạnh bình thường về thể lực và trí lực. Các cháu là nữ, còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc, dạy dỗ giáo dục của người mẹ. Nên căn cứ điều kiện thực tế của các bên đương sự đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 luật HNGĐ chấp nhận nguyện vọng của chị Ph, giao các cháu Vũ Thị Phương L và Vũ Thị Lan Ph1 cho chị Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về mức cấp dưỡng: Chị Ph không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 116 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị Ph phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điều 19, 24, 26 và điều 27 của nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án thấy rằng bị đơn anh Vi Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang sinh sống, cư trú ổn định tại thôn Q Tr, xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51 luật hôn nhân và gia đình thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Vi Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng anh H vẫn cố tình trốn tránh, vắng mặt tại phiên xét xử (lần thứ 2) không có lý do chính đáng nên theo quy định tại Điều 227 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự, việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Ph và anh Vi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2011 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh H sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình. Thực tế vợ chồng sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, làm việc anh H không trình bày bản tự khai, không đưa ra quan điểm để Tòa án xem xét, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tại các phiên tòa anh H vắng mặt, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn

vợ chồng, hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ph, anh H đã kéo dài, quan hệ vợ chồng giữa chị Ph và anh H không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Ph có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống là chính đáng. Nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị với anh Vi Văn H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau chị Ph và anh H có 02 con chung là cháu Vi Thị Lan Ph1 (giới tính nữ), sinh ngày 07/04/2012 và cháu Vi Thị Ph1 L (giới tính nữ), sinh ngày 13/08/2019. Các cháu khỏe mạnh bình thường về thể lực và trí lực. Bản thân chị Ph là người có sức khỏe, có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục con chung. Mặc dù xét nguyện vọng của con chưa thành niên là cháu Vi Thị Lan Ph1 nhưng căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, hiện tại chị Ph có nguyện vọng tha thiết xin được nuôi cả hai cháu Vi Thị Lan Ph1 và Vi Thị Ph1 L, các cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, mặt khác kể từ khi tòa án thụ lý giải quyết anh H không có mặt và cũng không thể hiện quan điểm nguyện vọng của mình về việc nuôi con, anh H cũng không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh về điều kiện thu nhập, chỗ ở để thực hiện quyền nuôi con. Do đó việc giao cả hai cháu Lan Ph1 và Ph1 L cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của các bên;

Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ph không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định tại điều 81,82,83,84 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị Vi Thị Ph phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vi Thị Ph

Về hôn nhân: Xử chị Vi Thị Ph được ly hôn anh Vi Văn H.

Về con chung: Giao cháu Vi Thị Lan Ph1 (Giới tính nữ), sinh ngày 07/04/2012 và cháu Vi Thị Ph1 L (Giới tính nữ), sinh ngày 13/08/2019 cho chị Vi Thị Ph (Mẹ đẻ) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh H, được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị Ph phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số A A/2021/0008304 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân. Do đó chị Ph đã nộp đủ án phí dân sự HNGĐ sơ thẩm. Anh Vi Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự - HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Như Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã B L, H. Như Xuân;
- Chi cục THADS H. Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thu Hằng